

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA**
Tỉnh Thanh Hóa
Số: 277/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. Thanh Hoá, ngày 23 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 366/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”; gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị Q - sinh năm 1992

Địa chỉ: đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Phạm Văn B - sinh năm: 1988

Địa chỉ: xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Chị Q, anh B thống nhất thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn của anh, chị là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật HN và GĐ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn B

[2]. Về con chung: Chị Q, anh B có một con chung là cháu Phạm Tấn P sinh ngày 10/01/2016. Ly hôn, Chị Q, anh B thỏa thuận giao cháu P cho Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng đến khi cháu P thành niên.

- Về tài sản chung: Chị Q, anh B tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh B chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Q, anh B có một con chung là cháu Phạm Tân P sinh ngày 10/01/2016. Giao cháu P cho Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018 đến khi cháu P thành niên.

- Về tài sản chung: Anh B, Chị Q tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh B chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Phạm Văn B chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0006574 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh B đã nộp đủ lệ phí).

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Thanh Hóa;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Nga